

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2025/HS-ST
Ngày: 11/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Bà NTH**

2. Bà NTNL

Thư ký phiên tòa: **Bà NTAM** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân – thành phố Hà Nội tham
gia phiên tòa: **Ông NTT** - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2025/HS- ST
ngày 18/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST - HS
ngày 19/3/2025 đối với:

Bị cáo: 1. PNĐB, sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở:
Số 727A tổ 5, TDP1, phường VQ, quận HĐ, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt
Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá:
12/12; Con ông PĐC (Sinh năm: 1951) và bà NTĐ (Sinh năm: 1957); Gia đình có 03
chị em, bị cáo là con thứ ba; Có vợ là VTH (Sinh năm: 1989) và 04 con, con lớn
sinh năm 2004 và con nhỏ sinh năm 2025; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày
30/8/2022, Tòa án nhân dân Huyện HĐ, Hà Nội xử phạt 30 tháng tù nhưng cho
hưởng án treo, thời hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án về tội Làm giả tài
liệu của cơ quan, tổ chức, phạm tội ngày 25/10/2019. Bị tạm giam ngày 13/9/2024;
Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam tại Trại tạm giam số 2 –
Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. **NĐT, SN: 1979**; Nơi thường trú: Thôn ĐĐ 3, Xã ĐT, VT, Thái B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông NVT (Sinh năm: 1956 – Đã chết) và con bà NTT (Sinh năm: 1952); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bị hại: Công ty TNHH G Cash; trụ sở: Phòng 203, tầng M, toà N01B GL, số 275 NT, phường TXT, quận TX, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Bà NTMH – Giám đốc; Địa chỉ thường trú và liên lạc: F4, tập thể Nhà máy Bóng đèn Phích nước, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội; Công ty TNHH G Cash đã giải thể nên ông NPĐ là chủ sở hữu công ty; địa chỉ: Phòng 3012B, R5B RC, phường TĐ, quận TX, Hà Nội kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Vắng mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo B: Luật sư NVĐ Luật sư Công ty Luật TNHH Hà Nội TA – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 03/2019, PDC thành lập và làm giám đốc Công ty cổ phần xây dựng NĐC. C thuê tầng 01 nhà số 727A đường 19/5, VQ, HĐ, Hà Nội của bạn là PNĐB làm trụ sở Công ty và bổ nhiệm B làm Phó Giám đốc. Khoảng tháng 06/2019, NĐT đến thuê trọ tại tầng trên nhà số 727A đường 19/5 của B nên quen biết B và C. Sau đó, T xin vào làm nhân viên tại công ty cổ phần xây dựng NĐC.

Do cần tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, B, C, T đã có hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu giả để vay tiền của Công ty TNHH G Cash tại địa chỉ: Số 275 NT, phường TXT, quận TX, Hà Nội không trả nên ngày 30/08/2020, Công ty TNHH G Cash đã gửi đơn tố giác B, C, T đến Công an quận Thanh Xuân, cụ thể như sau:

1. Hành vi phạm tội của PNĐB:

Ngày 25/6/2018, NĐB mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, BKS: 29A – 580.15, số khung: RLMGF52XX9V001016, số máy: 27292131184609 để sử dụng nhưng vì điều kiện cá nhân, B nhờ mẹ là bà NTĐ (Sinh năm: 1957, HKTT: tổ 5 VQ, phường VQ, quận HĐ, Hà Nội) đứng tên trên giấy đăng ký xe. Tháng 07/2019, qua quan hệ xã hội, B biết Công ty TNHH G Cash cho vay tiền nhưng với điều kiện PH có giấy

đăng ký xe ô tô chính chủ để đặt lại. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, nhưng chiếc xe ô tô của B không đăng ký chính chủ tên B nên B lên mạng xã hội liên hệ với người làm giả giấy đăng ký xe ô tô BKS: 29A – 580.15, số 482345, B gửi ảnh chụp giấy đăng ký xe mang tên NTĐ qua zalo cho người làm giả, nội dung tên NTĐ đổi thành tên PNĐB. Sau khi nhận được đăng ký xe giả, ngày 05/7/2019, B mang đến Công ty TNHH G Cash làm thủ tục vay tiền. Công ty TNHH G Cash đã xem, tin tưởng thông tin B đưa là thật nên cho B ký vào các văn bản gồm: “Thoả thuận khách hàng cầm cố xe ô tô”; “Hợp đồng gửi giữ tài sản”; “Hợp đồng cung cấp dịch vụ”; “Thông tin giải ngân” và giữ lại giấy đăng ký xe ô tô BKS: 29A – 580.15 số 482345 để làm tin rồi giải ngân cho B vay số tiền 100.000.000 đồng bằng cách chuyển từ tài khoản Ngân hàng VIB số 048704068595959 của Công ty TNHH G Cash đến tài khoản Ngân hàng Techcombank số 19022242323666 của B (thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 05/07/2019 đến ngày 05/7/2020), tiền lãi, phí PH trả mỗi tháng là 6.000.000 đồng, đến ngày 05/7/2020 PH tất toán khoản vay.

Sau khi làm giả giấy đăng ký xe ô tô và vay được tiền của Công ty TNHH G Cash, B nói lại sự việc này cho T và C biết. Sau đó, T tự làm giả giấy đăng ký xe ô tô rồi mang đến Công ty TNHH G Cash làm thủ tục vay được số tiền 100.000.000 đồng. Còn C chủ động nhờ B làm giả giấy đăng ký xe ô tô BKS: 29C – 691.58, nội dung thay tên chủ xe là PNL sang tên PDC để C mang giấy đăng ký xe giả đi vay tiền của công ty TNHH G Cash. B đồng ý nên C đưa cho B 01 bản photo giấy đăng ký xe ô tô BKS: 29C – 691.58 rồi B liên hệ với người làm giả giấy đăng ký xe cho B trước đó để làm giả giấy đăng ký xe cho C, Sau khi làm xong giấy đăng ký xe giả, B đưa lại cho C. Ngày 10/10/2019, B và C điều khiển xe ô tô BKS: 29C – 691.58 đến công ty TNHH G Cash để C ký thủ tục vay tiền, đến nơi B đứng chờ bên ngoài, C đi vào công ty làm thủ tục, một lúc sau C đi ra nói đã vay được số tiền 100.000.000 đồng, sau đó B bảo C trả cho B 50.000.000 đồng là tiền C vay của B.

Kể từ khi vay được tiền của Công ty TNHH G Cash, B đã trả lãi, phí đúng hạn vào các tháng 08, 09 và 10/2019. Đến ngày 25/10/2019, B có hành vi thuê xe ô tô rồi làm giả giấy đăng ký xe ô tô thuê và chứng minh nhân dân để mang xe ô tô đi cầm cố bị phát hiện, Công an huyện HĐ khởi tố đối với B về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Do B bỏ trốn nên Công an huyện HĐ truy nã. Vì vậy, từ tháng 11/2019 B không trả lãi và phí cho Công ty TNHH G Cash. Tháng 01/2022, B đã đến Công an huyện HĐ đầu thú. Ngày 28/02/2022, B đã trả số tiền gốc 100.000.000

đồng và tiền lãi 80.000.000 đồng cho Công ty TNHH G Cash và được Công ty TNHH G Cash rút tố giác và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại cơ quan điều tra, PNĐB đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và khai chiếc xe ô tô Mercedes, BKS: 29A – 580.15 là của B. Do B sắp ly hôn vợ, sợ khi ly hôn liên quan đến tranh chấp tài sản nên B đã nhờ mẹ là bà NTĐ đứng tên. Do cần tiền, B đã làm giả đăng ký xe để vay tiền, B không có ý định chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH G Cash, do bị Công an huyện Hoài Đức khởi tố, B trốn nên B không đến trả được tiền cho Công ty TNHH G Cash. Khi B vay được tiền của Công ty TNHH G Cash. B có nói cho T và C biết về việc Công ty này có cho vay tiền, B không nhờ T đứng tên và mua trả góp xe ô tô, không liên quan gì đến việc T, B có làm giả đăng ký xe ô tô cho C nhưng do C nhờ và không nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của ai.

Thu giữ của Công ty TNHH G Cash:

- 01 “Thoả thuận khách hàng hợp đồng vay cầm cố xe ô tô” số 13145 ngày 05/07/2019 giữa PNĐB và Công ty TNHH G Cash;

- 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS: 29A – 580.15 số 482345;

- 01 “Hợp đồng gửi giữ tài sản” số 13145 ngày 05/07/2019 giữa PNĐB và Công ty TNHH G Cash;

- 01 “Hợp đồng cung cấp dịch vụ” số 13145 ngày 05/07/2019 giữa PNĐB và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA;

- 01 “Thông tin giải ngân” giữa PNĐB và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA;

Tại Bản kết luận giám định số 1420/KL-PC09-Đ3 ngày 08/03/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận: 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS: 29A – 580.15 số 482345 là giả.

Tại Bản kết luận giám định số 1578/KLGD-PC09-Đ3 ngày 23/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết dòng họ tên PNĐB trên “Thoả thuận khách hàng hợp đồng vay cầm cố xe ô tô” số 13145 ngày 05/07/2019 giữa PNĐB và Công ty TNHH G Cash; “Hợp đồng gửi giữ tài sản” số 13145 ngày 05/07/2019 giữa PNĐB và Công ty TNHH G Cash và “Hợp đồng cung cấp dịch vụ” số 13145 ngày 05/07/2019 giữa PNĐB và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA là do PNĐB viết ra.

2. Hành vi phạm tội của NĐT:

Ngày 01/7/2019, T được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với đại diện hộ kinh doanh là NĐT. Ngày 17/08/2019, T mua xe ô tô

nhãn hiệu Kia Optima, BKS: 30F – 693.75 tại Salon ô tô Liên Việt, Địa chỉ: Số 01 NC, CG, Hà Nội bằng hình thức trả góp tại Ngân hàng TPBank. Ngày 22/08/2019, Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hà Nội cấp giấy đăng ký xe ô tô BKS: 30F – 693.75 số 689958 đứng tên chính chủ NĐT. Do T mua trả góp tại Ngân hàng thương mại cổ phần TP (Tpbank) nên Ngân hàng TPBank giữ lại giấy đăng ký xe. Sau đó, do cần tiền T làm giả giấy đăng ký xe ô tô trên, ngày 23/8/2019, T mang giấy đăng ký xe giả số 579190 của xe ô tô BKS: 30F – 693.75 đến Công ty TNHH G Cash làm thủ tục vay số tiền 100.000.000 đồng. Do tin tưởng đăng ký xe ô tô T đưa là thật nên Công ty TNHH G Cash đưa T ký vào các văn bản gồm: “Thoả thuận khách hàng cầm cố xe ô tô”; “Hợp đồng gửi giữ tài sản”; “Hợp đồng cung cấp dịch vụ”; “Thông tin giải ngân” và giữ lại giấy đăng ký xe ô tô BKS: 30F – 693.75 của T đưa rồi giải ngân cho T vay số tiền 100.000.000 đồng bằng cách chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng VIB số 048704068595959 của Công ty TNHH G Cash đến tài khoản Ngân hàng Techcombank của T số 19024738883011, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 23/8/2019 đến ngày 23/8/2020, tiền lãi, phí PH trả mỗi tháng là 6.000.000 đồng, đến ngày 23/8/2020 PH tất toán khoản vay. Sau khi vay được tiền đã trả lãi vào các tháng 09, 10 và tháng 11/2019, từ đó đến nay T không trả cho Công ty TNHH G Cash.

Thu giữ của Công ty TNHH G Cash:

- 01 “Thoả thuận khách hàng hợp đồng vay cầm cố xe ô tô” số 15677 ngày 23/08/2019 giữa NĐT và Công ty TNHH G Cash;

- 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS: 30F – 693.75 số 579190;

- 01 “Hợp đồng gửi giữ tài sản” số 15677 ngày 23/08/2019 giữa NĐT và Công ty TNHH G Cash;

- 01 “Hợp đồng cung cấp dịch vụ” số 15677 ngày 23/08/2019 giữa NĐT và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA;

- 01 “Thông tin đề nghị giải ngân” giữa NĐT và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA;

- 01 “Thông tin giải ngân” giữa NĐT và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA;

Tại Bản kết luận giám định số 1420/KL-PC09-Đ3 ngày 08/03/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận: 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS: 30F – 693.75 số 579190 là giả.

Tại Bản kết luận giám định số 1573/KLGD-PC09-Đ3 ngày 23/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết dòng họ tên NĐT trên “Thoả thuận khách hàng hợp đồng vay cầm cố xe ô tô” số 15677 ngày

23/08/2019 giữa NĐT và Công ty TNHH G Cash; “Hợp đồng gửi giữ tài sản” số 15677 ngày 23/08/2019 giữa NĐT và Công ty TNHH G Cash; “Hợp đồng cung cấp dịch vụ” số 15677 ngày 23/08/2019 giữa NĐT và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA; “Thông tin đề nghị giải ngân” giữa NĐT và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA và chữ viết nội dung “tôi ký xác nhận và sẽ thanh toán đầy đủ số tiền vào ngày thanh toán như trên” tại “Thông tin giải ngân” giữa NĐT và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA là do NĐT viết ra.

Quá trình điều tra, NĐT không thừa nhận việc làm giả giấy đăng ký xe và vay tiền của Công ty TNHH G Cash, T khai nhận: Khoảng tháng 7/2019, PNĐB là người nhờ T đứng tên hộ cho B mua xe trả góp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Optima, BKS: 30F – 693.75, việc trả góp do B thực hiện, T chỉ đi cùng làm thủ tục mua xe, ký các giấy tờ liên quan đến việc mua xe, sau khi mua xe B là người quản lý và sử dụng xe, T không cầm giấy đăng ký xe vì xe trả góp nên giấy tờ ngân hàng giữ. Một thời gian sau B nói với T do cần tiền nên mang xe ô tô trên đi cầm cố để vay tiền, T là người đứng tên trên giấy đăng ký xe nên PH đi cùng B để làm thủ tục, B đi cùng T đến làm thủ tục vay, nhân viên ngân hàng cho T ký các văn bản vay rồi đi về. Sau đó phía cho vay chuyển vào tài khoản của T số tiền 100.000.000 đồng, T chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng cho B. Do đó, T đã không trả tiền lãi và gốc cho công ty TNHH G Cash.

Căn cứ vào tài liệu thu thập xác định: Ngày 17/8/2019, T là người ký hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Optima, BKS: 30F – 693.75; ngày 21/8/2019, T đi khai đăng ký xe tại Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội; ngày 22/8/2019, T ký kết hợp đồng cho vay từng lần và hợp đồng thế chấp tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, màu đen, BKS: 30F-693.75 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ với ngân hàng thương mại cổ phần TP (theo kết luận giám định số 7808 ngày 05/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận chữ ký, chữ viết trên hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng cho vay từng lần do T ký và viết ra) do đó giấy đăng ký gốc của chiếc xe ô tô trên sẽ do ngân hàng thu giữ. Xét thấy, mặc dù ngày 23/8/2019, T biết giấy đăng ký xe bản gốc đang được ngân hàng giữ nhưng T đã sử dụng đăng ký xe giả để xác nhận và vay tiền của Công ty TNHH G Cash, khi thực hiện hành vi T là người có đầy đủ năng lực, là người đã thành niên, không bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, là người trực tiếp ký xác nhận vào các hợp đồng. Do tin tưởng giấy tờ mang tên T là thật nên Công ty TNHH G Cash cho T vay số tiền 100.000.000 đồng, sau đó T không trả và chiếm

đoạt. Do vậy, đủ căn cứ xác định hành vi của T phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

3. Hành vi phạm tội của PDC:

Năm 2017, PDC thành lập và làm giám đốc Công ty cổ phần xây dựng NĐC. Năm 2019, C thuê tầng 1 nhà số 727A đường 19/5, VQ, HĐ, Hà Nội của PNL để làm trụ sở Công ty. Đến khoảng tháng 06/2019, NĐT đến thuê trọ tại tầng trên nhà số 727A đường 19/5 nên quen biết T. C thường xuyên mượn 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger màu đen, BKS: 29C – 691.58 của PNL (em trai của C) để sử dụng. Tháng 10/2019, B rủ C làm giả giấy đăng ký xe ô tô trên nội dung thay đổi tên PDC vào tên chủ xe rồi mang xe đi cầm cố. C muốn có tiền nên đồng ý rồi đưa giấy photo đăng ký xe ô tô trên cho B để B làm giả giấy đăng ký xe. Ngày 10/10/2019, B đưa giấy đăng ký xe ô tô BKS: 29C 691.58 giả cho C rồi cùng C lái xe ô tô BKS: 29C - 691.58 đến Công ty TNHH G Cash làm thủ tục vay tiền. Công ty đã thẩm định, cho C ký vào các “Thoả thuận khách hàng cầm cố xe ô tô”; “Hợp đồng gửi giữ tài sản”; “Hợp đồng cung cấp dịch vụ”; “Thông tin giải ngân” rồi giữ lại giấy đăng ký xe ô tô BKS: 29C - 691.58 để làm tin, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/10/2020, tiền lãi, phí pH trả mỗi tháng là 6.000.000 đồng, đến ngày 10/10/2020 pH tất toán khoản vay. Sau đó, Công ty TNHH G Cash chuyển số tiền 100.000.000 đồng đến tài khoản số 45010006333494 tại Ngân hàng BIDV của C. Sau khi vay được tiền, C hỏi B tiền vay được chia thế nào, B nói là 50/50 nên C dùng tài khoản ngân hàng nêu trên chuyển số tiền 50.000.000 đồng đến tài khoản số 19022242323666 tại ngân hàng Techcombank của B. Sau khi vay được tiền của công ty TNHH G Cash đến nay C chưa trả tiền gốc và lãi.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh chiếc xe ô tô BKS: 29C – 691.58 tại thời điểm C làm giả giấy đăng ký và vay tiền của Công ty TNHH G Cash được đăng ký chính chủ tên PNL, trú tại: Số 24 ngõ QT 2 TĐT, HB, ĐĐ, Hà Nội. Đến ngày 10/01/2021 chiếc xe này vẫn đăng ký tên PNL. Tiến hành triệu tập anh L đến trụ sở làm việc nhưng anh L vắng mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được. Tiến hành ghi lời khai chị PTMH (SN: 1978, HKTT: Lô TT5 Dãy N6 Số 3 Khu BLĐ, ĐK, HM, Hà Nội - là vợ anh L) xác định: Chị H và anh L mua xe ô tô BKS: 29C – 691.58 vào năm 2018, đến năm 2021 thì bán cho một người không quen biết. Chị H khẳng định C và L là anh em ruột, chị H và anh L không bán chiếc xe này cho C. Tiến hành xác minh chiếc xe ô tô trên xác định từ ngày 09/4/2018 đến ngày 05/3/2021 chiếc xe ô tô BKS: 29C – 691.58, nhãn hiệu Ford, chủ xe: PNL là

tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Cầu Giấy – PGD Quan Hoa.

Thu giữ của Công ty TNHH G Cash:

- 01 “Thoả thuận khách hàng hợp đồng vay cầm cố xe ô tô” số 17327 ngày 10/10/2019 giữa PDC và Công ty TNHH G Cash;

- 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS: 29C – 691.58 số 155015;

- 01 “Hợp đồng gửi giữ tài sản” số 17327 ngày 10/10/2019 giữa PDC và Công ty TNHH G Cash;

- 01 “Hợp đồng cung cấp dịch vụ” số 17327 ngày 10/10/2019 giữa PDC và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA;

- 01 “Thông tin đề nghị giải ngân” giữa PDC và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA;

- 01 “Thông tin giải ngân” giữa PDC và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA.

Tại Bản kết luận giám định số 1420/KL-PC09-Đ3 ngày 08/03/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận: 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS: 29C – 691.58 số 155015 là giả.

Tại Bản kết luận giám định số 5996 ngày 22/08/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận: Chữ viết, chữ ký họ tên PDC tại “Thoả thuận khách hàng hợp đồng vay cầm cố xe ô tô” số 17327 ngày 10/10/2019 giữa PDC và Công ty TNHH G Cash; “Hợp đồng gửi giữ tài sản” số 17327 ngày 10/10/2019 giữa PDC và Công ty TNHH G Cash; “Hợp đồng cung cấp dịch vụ” số 17327 ngày 10/10/2019 giữa PDC và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA; “Thông tin đề nghị giải ngân” giữa PDC và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA và “Thông tin giải ngân” giữa PDC và Công ty cổ phần tập đoàn TIMA là do PDC viết ra.

Do PDC đã chết nên ngày 08/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Thanh Xuân đã ra quyết định đình chỉ điều tra đối với C.

Về việc C khai làm giả đăng ký xe ô tô để vay tiền là do B. Xét thấy, mặc dù B chỉ thừa nhận làm giả giấy đăng ký xe cho C để C vay tiền. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu thu thập xác định B là người đồng ý và liên hệ với người làm giả giấy đăng ký xe cho B trước đó làm giả giấy đăng ký xe cho C. Sau đó, B đưa C đến Công ty TNHH G Cash để C làm thủ tục và vay được số tiền 100.000.000 đồng, B bảo C trả cho B số tiền 50.000.000 đồng mà C vay B trước đó. Lời khai của C phù hợp với B về việc B là người đi làm giả đăng ký xe ô tô, là người đưa C đến Công ty TNHH G Cash, B biết để C vay được tiền là do sử dụng đăng ký xe ô tô giả do B làm, say đó

C không trả được số tiền trên cho Công ty TNHH G Cash nên đủ cơ sở xác định B đồng phạm với C về hành sử dụng tài liệu giả của Cơ quan tổ chức và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về việc PNDB sử dụng đăng ký xe ô tô Mercedes, BKS: 29A – 580.15 giả vay tiền, quá trình điều tra lấy lời khai của B và lời khai của bà NTĐ (mẹ của B) phù hợp với nhau về việc chiếc xe ô tô trên là của B, B mua xe rồi nhờ bà Đông đứng tên, do cần tiền, B đã làm giả đăng ký xe để vay tiền, sau khi vay tiền của Công ty TNHH G Cash, B đã trả phí, lãi đúng hạn nhưng sau đó do bị Công an huyện Hoài Đức khởi tố nên B không đến trả được tiền cho Công ty TNHH G Cash. Khi biết bị khởi tố, không thể trốn tránh nên B đầu thú đồng thời trả hết tiền cho công ty TNHH G Cash, do đó Cơ quan điều tra không xử lý B về số tiền vay của B.

Đối với việc T khai B là người nhờ T đứng đăng ký xe ô tô, làm giả giấy tờ vay tiền tuy nhiên B không thừa nhận hành vi này, đã tiến hành cho B và T đối chất nhưng không làm rõ được mâu thuẫn, các tài liệu đều do T ký do đó không có căn cứ chứng minh B đồng phạm với T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T.

Đối với đối tượng làm giả giấy đăng ký xe cho PNDB, NĐT, do B liên hệ trên mạng xã hội còn T không khai nhận hành vi phạm tội, do không có thông tin nên Cơ quan CSĐT – Công an quận Thanh Xuân không có căn cứ mở rộng điều tra, làm rõ.

Về dân sự: Ngày 08/01/2024, Công ty TNHH G Cash đã giải thể nên ông NPĐ (Chủ sở hữu của công ty) không có yêu cầu, đề nghị gì đối với PNDB, PDC, NĐT.

Bản cáo trạng số 10/CT - VKSTT ngày 06/02/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đã truy tố bị cáo PNDB về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức theo quy định tại điểm b, d khoản 2 điều 341 Bộ luật hình sự và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình; NĐT về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức theo điểm d khoản 2 điều 341 Bộ luật hình sự và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo lúc đầu bị cáo PNDB còn quanh co cho rằng bị cáo không nhờ người làm giả đăng ký xe cho C, người làm giả đăng ký xe cho C là T và bị cáo có tác động để T làm đăng ký giả cho C, khi đến vay tiền thì bị cáo đứng ở ngoài, bị cáo không được hưởng lợi từ việc C chiếm đoạt tiền của công ty mà đó là số tiền C nợ bị cáo nhưng sau đó bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo NĐT thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Các bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân

quận Thanh Xuân truy tố bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho bị cáo cơ hội sửa chữa sai lầm và làm lại cuộc đời.

* Đại diện bị hại: Ông NPĐ là chủ sở hữu Công ty TNHH G Cash vắng mặt tại phiên tòa.

* Người bảo chữa cho bị cáo B: Xác nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân truy tố bị cáo B tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo điểm b, d khoản 2 điều 341 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo B: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 180 triệu đồng, con bị cáo còn nhỏ, bố đẻ bị cáo là thương binh được tặng thưởng nhiều huân huy chương, bị cáo đã có thành tích giúp Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nghệ An trong quá trình phát hiện truy bắt tội phạm theo điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm cho bị cáo B mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, d khoản 2 điều 341; điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo PNĐB từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; xử phạt bị cáo từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo pH chịu 4 năm 6 tháng đến 5 năm 6 tháng tù về hai tội.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm d khoản 2 điều 341; điểm c khoản 2 điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NĐT từ 2 năm 6 tháng tù đến 3 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; xử phạt bị cáo từ 2 năm 6 tháng tù đến 3 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo pH chịu 5 năm đến 6 năm tù về hai tội.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo pH chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Xuân, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, vật chứng thu được, lời khai người làm chứng, Kết luận giám định, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Năm 2019, PNDB, NĐT, PDC đã có hành vi nhờ người khác (hiện không làm rõ được) làm giả đăng ký xe ô tô sau đó sử dụng đăng ký xe ô tô giả để vay tiền của Công ty TNHH G Cash và chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Ngày 25/6/2018, PNDB mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, BKS: 29A – 580.15 để sử dụng nhưng vì lý do cá nhân (B không muốn chia tài sản khi ly hôn), B nhờ mẹ là bà NTĐ đứng tên trên giấy đăng ký xe. Do cần vay tiền chi tiêu cá nhân, tuy nhiên điều kiện vay pH có đăng ký xe chính chủ. Thời điểm này, đăng ký xe ô tô của B đứng tên mẹ của B nên B nhờ người khác làm giả giấy đăng ký xe ô tô trên, sau khi nhận được đăng ký xe giả ngày 05/7/2019, tại địa chỉ Số 275 NT, phường TXT, quận Thanh Xuân, Hà Nội, B sử dụng giấy đăng ký xe giả vay số tiền 100.000.000 đồng của Công ty TNHH G Cash và sau đó B đã trả hết số tiền vay trên cho Công ty TNHH G Cash.

NĐT mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Optima, BKS: 30F – 693.75 bằng hình thức trả góp tại Ngân hàng thương mại cổ phần TP (theo hợp đồng ký kết ngày 22/8/2019), giấy đăng ký xe ô tô bản gốc do ngân hàng giữ. Do không có giấy đăng ký xe bản gốc nên T đã thuê người làm giả đăng ký xe ô tô trên ngày 23/8/2019, T đã sử dụng giấy đăng ký xe giả để vay số tiền 100.000.000 đồng của Công ty TNHH G Cash (thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 23/8/2019 đến ngày 23/8/2020, tiền lãi, phí pH trả mỗi tháng là 6.000.000 đồng). Tin tưởng đăng ký xe ô tô giả T đưa và cam kết của T là thật nên Công ty TNHH G Cash giải ngân cho T vay số tiền

100.000.000 đồng bằng cách chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng VIB số 048704068595959 của Công ty TNHH G Cash đến tài khoản Ngân hàng Techcombank của T số 19024738883011, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 23/8/2019 đến ngày 23/8/2020, tiền lãi, phí pH trả mỗi tháng là 6.000.000 đồng, đến ngày 23/8/2020 pH tất toán khoản vay. Sau khi vay, T trả lãi, phí tháng 9, 10 và 11/2019, từ đó đến nay không trả gốc, lãi, phí chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH G Cash.

Ngày 10/10/2019, PDC sử dụng 01 đăng ký xe ô tô giả nhãn hiệu Ford Ranger màu đen, BKS: 29C – 691.58 (đăng ký xe giả do PNDB thuê người làm giả) rồi đến Công ty TNHH G Cash làm thủ tục vay số tiền 100.000.000 đồng (thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/10/2020, tiền lãi, phí pH trả mỗi tháng là 6.000.000 đồng) đến ngày 10/10/2020 pH tất toán khoản vay. Tin tưởng đăng ký xe ô tô giả C đưa và cam kết của C là thật nên Công ty TNHH G Cash giải ngân và chuyển cho C số tiền 100.000.000 đồng đến tài khoản số 45010006333494 tại Ngân hàng BIDV của C. Sau khi vay được tiền, C chuyển số tiền 50.000.000 đồng đến tài khoản số 19022242323666 tại ngân hàng Techcombank của B. Sau khi vay được tiền của công ty TNHH G Cash, C và B không trả và chiếm đoạt.

Như vậy, PNDB đã có hành vi sử dụng 02 tài liệu giả của Cơ quan tổ chức, đồng phạm với PDC về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 100.000.000 đồng. NĐT đã có hành vi sử dụng tài liệu giả của Cơ quan tổ chức, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 100.000.000 đồng.

Đối chiếu quy định pháp luật, PNDB phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức theo quy định tại điểm b, d khoản 2 điều 341 Bộ luật hình sự và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình; NĐT phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức theo điểm d khoản 2 điều 341 Bộ luật hình sự và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự. Do PDC đã chết nên ngày 08/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Thanh Xuân đã ra quyết định đình chỉ điều tra đối với C. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân truy tố bị cáo B và bị cáo T về tội danh và điều luật là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tổ chức và xâm phạm sự hoạt động B thường, uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã

hội, gây T lý lo lắng trong nhân dân. Do tính chất nghiêm trọng của vụ án, đề đấu tranh phòng chống tội phạm, cần thiết pH xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự, cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo B đã bồi thường thiệt hại, bố đẻ bị cáo là thương binh hạng 4/4 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến và Huy chương vì sự nghiệp giáo dục nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS

Tình tiết tăng nặng: Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ông NPĐ (Chủ sở hữu của công ty TNHH G Cash) không có yêu cầu, đề nghị gì đối với PNĐB, PDC, NĐT nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo PNĐB phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo NĐT phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng: - Điểm b, d khoản 2 điều 341; điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo PNĐB.

- Điểm d khoản 2 điều 341; điểm c khoản 2 điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo NĐT.

- Các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo PNĐB 2 năm 6 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; xử phạt bị cáo 2 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo pH chịu hình phạt chung là 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2024.

Bị cáo NĐT 2 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; xử phạt bị cáo 3 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo pH chịu hình phạt chung là 5 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo B và bị cáo T.

Về án phí: Mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo T và bị cáo B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội;
- Công an Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội;
- Cơ quan thi hành án hình sự Q. Thanh Xuân, Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Thanh Xuân, Hà Nội;
- Bị cáo, Hồ sơ; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Huyền